



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

4. MAHĀBHŪMICĀLAPĀTUBHĀVAPAÑHO

1. **“Bhante nāgasena, bhāsitampetaṃ bhagavatā ‘aṭṭhime bhikkhave hetū aṭṭha paccayā mahato bhūmicālassa pātubhāvāyā ’ti asesavacanaṃ idaṃ, nissesavacanaṃ idaṃ, nippariyāya-vacanaṃ idaṃ, natthañño navamo hetu mahato bhūmicālassa pātubhāvāya.** Yadi bhante nāgasena añño navamo hetu bhāveyya mahato bhūmicālassa pātubhāvāya, tampi bhagavā hetuṃ katheyya. Yasmā ca kho bhante nāgasena natthañño navamo hetu mahato bhūmicālassa pātu-bhāvāya, tasmā anācikkhito bhagavatā. Ayañca navamo hetu dissati mahato bhūmicālassa pātubhāvāya, yaṃ vessantarena raññā mahādāne dīyamāne sattakkhattuṃ mahāpaṭhavī kampitā.¹ Yadi bhante nāgasena aṭṭheva hetū aṭṭha paccayā mahato bhūmicālassa pātubhāvāya, tena hi ‘vessantarena raññā mahādāne dīyamāne sattakkhattuṃ mahāpaṭhavī kampitā ’ti yaṃ vacanaṃ, taṃ micchā. Yadi vessantarena raññā mahādāne dīyamāne sattakkhattuṃ mahāpaṭhavī kampitā, tena hi ‘aṭṭheva hetū aṭṭha paccayā mahato bhūmicālassa pātubhāvāyā ’ti tampi vacanaṃ micchā. Ayampi ubhatokoṭiko pañho sukhumo dunnibbethiyo² andhakaraṇo ca³ gambhīro ca. So tavānuppatto. Neso aññena ittarapaññena sakkā vissajjettuṃ aññatra tvādisena buddhimatā ”ti.

“Bhāsitampetaṃ mahārāja bhagavā **‘aṭṭhime bhikkhave hetū aṭṭha paccayā mahato bhūmicālassa pātubhāvāyā ’ti.** Vessantarenapi raññā⁴ mahādāne dīyamāne sattakkhattuṃ mahāpaṭhavī kampitā. Tañca pana akālikam, kadācuppattikam, aṭṭhahi hetūhi vippamuttaṃ. Tasmā agaṇitaṃ aṭṭhahi hetūhi.

2. Yathā mahārāja loka tayo yeva meghā gaṇiyanti ‘vassiko hemantiko pāvussako ’ti, yadi te muñcitvā añño megho pavassati, na so megho gaṇiyati sammatehi meghehi, akālamegho tveva saṅkhaṃ gacchati. Evameva kho mahārāja vessantarena raññā mahādāne dīyamāne yaṃ sattakkhattuṃ mahāpaṭhavī kampitā, akālikam etaṃ kadācuppattikam, aṭṭhahi hetūhi vippamuttaṃ. Na taṃ gaṇiyati aṭṭhahi hetūhi.

3. Yathā vā pana mahārāja himavatā pabbatā pañcanadīsātāni sandanti. Tesam mahārāja pañcannaṃ nadīsātānaṃ daseva nadiyo nadīgaṇanāya gaṇiyanti, seyyathīdam: gaṅgā yamunā aciravati sarabhū mahī sindhu sarassatī vetravati⁵ vitatthā⁶ candabhāgā ’ti. Avasesā nadiyo nadīgaṇanāya agaṇitā. Kiṃkaraṇā? Na tā nadiyo dhuvasalilā. Evameva kho mahārāja vessantarena raññā mahādāne dīyamāne yaṃ sattakkhattuṃ mahāpaṭhavī kampitā, akālikam etaṃ kadācuppattikam, aṭṭhahi hetūhi vippamuttaṃ. Na taṃ gaṇiyati aṭṭhahi hetūhi.

¹ kampitā ti - Ma.

² dunnivethiyo - Ma, PTS.

³ ceva - Ma.

⁴ yaṃ vessantarena raññā - Ma.

⁵ vetrāvati - katthaci.

⁶ vitamsā - Ma, PTS; vitasā, vitaso - kesuci.

4. CÂU HỎI VỀ HIỆN TƯỢNG DAO ĐỘNG DỮ DỘI CỦA TRÁI ĐẤT:

1. “Thưa ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ‘**Này các tỳ khuru, có tám nhân tám duyên này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất.**’ Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời nói đầy đủ, đây là lời nói không thay đổi, không có nhân thứ chín nào khác đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất. Thưa ngài Nāgasena, nếu có nhân thứ chín khác đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, đức Thế Tôn cũng sẽ nói đến nhân ấy. Và thưa ngài Nāgasena, bởi vì không có nhân thứ chín nào khác đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, vì thế đã không được đức Thế Tôn đề cập đến. Và có nhân thứ chín này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất được thấy là đại địa đầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức vua Vessantara. Thưa ngài Nāgasena, nếu chỉ có tám nhân tám duyên đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, như thế thì lời nói ‘đại địa đầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức vua Vessantara’ là sai trái. Nếu đại địa đầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức vua Vessantara, như thế thì lời nói ‘chỉ có tám nhân tám duyên đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất’ cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vi tế, khó tháo gỡ, gây tầm tối, và sâu xa. Nó được dành cho ngài. Điều này không thể trả lời bởi người nào khác có trí tuệ nhỏ nhoi, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là ngài vậy.”

“Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ‘**Này các tỳ khuru, có tám nhân tám duyên này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất.**’ Còn đại địa đầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức vua Vessantara; điều ấy là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Vì thế không được tính vào tám nhân.

2. Tâu đại vương, giống như ở thế gian chỉ có ba loại mưa được tính là ‘(mưa) thuộc mùa mưa, (mưa) thuộc mùa lạnh, và cơn mưa rào.’ Nếu có cơn mưa khác không thuộc vào ba loại này mà đổ mưa, thì cơn mưa ấy không được tính vào các loại mưa đã được công nhận, và chỉ được xem là ‘cơn mưa sái mùa.’ Tâu đại vương, tương tự y như thế việc đại địa đầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân.

3. Tâu đại vương, hoặc là giống như năm trăm con sông chảy ra từ núi Hi-mã-lạp. Tâu đại vương, trong số năm trăm con sông ấy, chỉ có mười con sông được tính vào việc tính đếm các con sông, tức là: sông Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī, Sindhu, Sarassatī, Vetravatī, Vitatthā, Candabhāgā. Các con sông còn lại không được tính vào việc tính đếm các con sông. Vì lý do gì? Các con sông ấy không có nước thường xuyên. Tâu đại vương, tương tự y như thế việc đại địa đầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân.

4. Yathā vā pana mahārāja rañño satampi dvisatampi amaccā¹ honti, tesam chayeve janā amaccagaṇanāya gaṇiyanti, seyyathidaṃ: senāpati purohito akkhadasso bhaṇḍāgārīko chattaḡāhako khaggagāhako. Ete yeva amaccagaṇanāya gaṇiyanti. Kiṃkāraṇā? Yuttattā rājagūṇehi. Avasesā agaṇitā sabbe amaccā 'tveva saṅkhaṃ gacchanti. Evameva kho mahārāja, vessantarena raññā mahādāne dīyamāne yaṃ sattakkhattuṃ mahāpaṭhaviṃ kampitā, akālikāya etaṃ kadācuppattikāya aṭṭhahi hetūhi vippamuttaṃ. Na taṃ gaṇiyati aṭṭhahi hetūhi.

Sūyati nu kho mahārāja etarahi jinasāsane katādhikārānaṃ diṭṭhadhammasukhavedaniyaṃ kammaṃ, kitti ca yesaṃ abbhuggatā devamanussesū "ti?

"Āma bhante. Sūyati² etarahi jinasāsane katādhikārānaṃ diṭṭhadhammasukhavedaniyaṃ kammaṃ, kitti ca yesaṃ abbhuggatā devamanussesu. Satta te janā "ti.³

"Ko ca ko ca mahārājā "ti?⁴

"Sumano ca bhante mālākāro, ekasāṭako ca brāhmaṇo, puṇṇo ca bhatako, mallikā ca devī, gopālamātā ca devī, suppiyā ca upāsikā, puṇṇā ca dāsī 'ti ime satta diṭṭhadhammasukhavedaniyā sattā. Kitti ca imesaṃ abbhuggatā devamanussesū "ti.

"Apare 'pi sūyanti nu kho atīte mānusakeneva sarīradehena tidasa-bhavanaṃ gatā "ti?

"Āma bhante sūyantī "ti.

"Ko ca ko ca mahārājā "ti?³

"Guttilo ca gandhabbo, sādhiṇo ca rājā, nimī ca rājā, mandhātā ca rājā 'ti ime caturo janā sūyanti teneva mānusakena sarīradehena tidasa-bhavanaṃ gatā 'ti. Sucirampi kataṃ sūyati sukatadukkatan "ti.

"Sutapubbaṃ pana tayā mahārāja atīte vā addhāne vattamāne vā addhāne itthannāmassa dāne dīyamāne sakiṃ vā dvikkhattuṃ vā tikkhattuṃ vā mahāpaṭhaviṃ kampitā "ti?

6. "Na hi bhante "ti.

"Atthi me mahārāja āgamo adhigamo pariyatti savaṇaṃ sikkhā balaṃ sussūsā paripucchā ācariyupāsanaṃ. Mayā 'pi nassutapubbaṃ itthannāmassa dāne dīyamāne sakiṃ vā dvikkhattuṃ vā mahāpaṭhaviṃ⁵ kampitā 'ti ṭhapetvā vessantarassa rājavasabhassa dānavaraṃ.

¹ dvisatampi tisatampi amaccā - Ma.

² suyyati - Ma.

³ satta janā ti - Ma.

⁴ ke ca te mahārājā ti - Ma.

⁵ dvikkhattuṃ vā tikkhattuṃ vā mahāpaṭhaviṃ - Ma, PTS.

4. Tàu đại vương, hoặc là giống như các quan đại thần của đức vua thì cả trăm người, hai trăm người. Trong số những người ấy chỉ có sáu là được tính vào việc tính đếm các quan đại thần, tức là: tướng quân, quan tế tự, quan xử án, quan thủ khố, quan giữ lọng, quan giữ gương. Chỉ những người này được tính vào việc tính đếm các quan đại thần. Vì lý do gì? Vì trạng thái gắn bó với các phẩm chất của đức vua. Còn tất cả những người còn lại không được tính đếm mà chỉ được xem là ‘quan đại thần.’ Tàu đại vương, tương tự y như thế việc đại địa đầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân.

Tàu đại vương, phải chăng có được nghe là trong thời hiện tại nghiệp của những việc làm hưởng thượng đã làm ở Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng là có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những việc này vang lên ở giữa chư Thiên và nhân loại?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Có được nghe là trong thời hiện tại nghiệp của những việc làm hưởng thượng đã làm ở Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng là có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những việc này vang lên ở giữa chư Thiên và nhân loại. Những người ấy là bảy người.”

“Tàu đại vương, là ai và ai vậy?”

“Thưa ngài, là ‘người làm tràng hoa Sumana, Bà-la-môn Ekasāṭaka, người làm công Puṇṇa, hoàng hậu Mallikā, hoàng hậu Gopālamātā, cận sự nữ Suppiyā, và nữ tỳ Puṇṇā.’ Bảy người này có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những người này vang lên ở giữa chư Thiên và nhân loại.”

“Vậy có được nghe những người khác trong thời quá khứ đã đi đến cung trời Đạo Lợi bằng chính thân thể và vóc dáng ấy của con người?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Có được nghe.”

“Tàu đại vương, là ai và ai vậy?”

“Là ‘vị Càn-thát-bà Guttila, đức vua Sādhina, đức vua Nimī, và đức vua Mandhātā.’ Bốn người này được nghe là đã đi đến cung trời Đạo Lợi bằng thân thể và vóc dáng của con người. Được nghe rằng việc đã làm tốt hoặc đã làm xấu đã được làm lâu lắm rồi.”

“Tàu đại vương, phải chăng ngài đã được nghe trước đây vào thời quá khứ xa xăm hoặc trong thời hiện tại xa xăm đại địa cầu đã rúng động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vậy đang được trao ra?”

6. “Thưa ngài, không có.”

“Tàu đại vương, tôi đã có sự truyền thừa, sự thành tựu, sự thuộc lòng Kinh điển, sự lắng nghe, sự học tập, năng lực, sự mong mỏi lắng nghe, sự vấn hỏi, sự hầu hạ các vị thầy, tuy nhiên tôi cũng chưa từng được nghe trước đây đại địa cầu đã rúng động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vậy đang được trao ra, ngoại trừ việc bố thí cao quý của vị vua kiệt xuất Vessantara.

Bhagavato ca mahārāja kassapassa bhagavato ca sakyamunino 'ti dvinnam buddhānam antare gaṇanapathavītivattā vassakoṭiyo atikkantā tatthapi me savaṇam natthi 'itthannāmassa dāne dīyamāne sakim vā dvikkhattum vā tikkhattum vā mahāpaṭhavī kampitā 'ti.

Na mahārāja tāvatakena viriyena tāvatakena parakkamena mahāpaṭhavī kampati. Guṇabhārabharitā mahārāja sabba-soceyya-kiriya-guṇabhārabharitā dhāretum avisahantī mahāpaṭhavī calati kampati pavedhati.

7. Yathā mahārāja sakaṭassa atibhārabharitassa nābhiyo ca nemiyo ca phalanti, akkho bhijjati, evameva kho mahārāja sabbasoceyyakiriyaguṇabhārabharitā mahāpaṭhavī dhāretum na visahantī calati kampati pavedhati.

Yathā vā pana mahārāja gaganam anila-jala-vega-sañchāditaṃ ussanna-jalabhāra-bharitaṃ ativātena phuṭitattā nadati ravati galagalāyati, evameva kho mahārāja mahāpaṭhavī rañño vessantarassa dānabalavipula-ussanna-bhārabharitā dhāretum avisahantī calati kampati pavedhati.

8. Na hi mahārāja rañño vessantarassa cittaṃ rāgavasena pavattati, na dosavasena pavattati, na mohavasena pavattati, na mānavasena pavattati, na diṭṭhivasena pavattati, na kilesavasena pavattati, na vitakkavasena pavattati, na arativasena pavattati. Atha kho dānavasena bahulam pavattati 'kinti anāgatā yācakā mama santike āgaccheyyum, āgatā ca yācakā yathākāmaṃ labhitvā attamanā bhaveyyun 'ti satataṃ samitaṃ dānam pati mānasam ṭhapitaṃ hoti.

9. Rañño mahārāja vessantarassa satataṃ samitaṃ dasasu ṭhānesu mānasam ṭhapitaṃ hoti: dame same khantiyaṃ saṃvare yame niyame akkodhe avihimsāya sacce soceyye.

Rañño mahārāja vessantarassa kāmesanā pahīnā bhavesanā paṭippassaddhā brahmacariyesanā yeva ussukkaṃ āpannā.

Rañño mahārāja vessantarassa attarakkhā pahīnā pararakkhā¹ ussukkaṃ āpannā²: 'kinti ime sattā samaggā assu arogā sadhanā dīghāyukā 'ti bahulam yeva mānasam pavattati.

¹ sabbasattarakkhāya - Ma.

² āpanno - Ma, PTS.

Tâu đại vương, vào khoảng giữa của hai vị Phật là ‘đức Thế Tôn Kassapa và đức Thế Tôn Sakyamuni,’ nhiều *koṭi* năm vượt quá cách thức tính đếm đã trôi qua, ngay cả trong khoảng thời gian đó tôi cũng không có nghe là ‘đại địa cầu đã rung động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vậy đang được trao ra.’

Tâu đại vương, đại địa cầu không rung động với sự tinh tấn chừng ấy, với sự nỗ lực chừng ấy. Tâu đại vương, bị chông chất gánh nặng về đức hạnh, bị chông chất toàn bộ gánh nặng về sự trong sạch, hành động, và đức hạnh, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rung động, chuyển động.

7. Tâu đại vương, giống như khi chiếc xe tải bị chông chất vật nặng quá tải thì các ổ trục và các vành bánh xe bung ra, trục xe bị gãy. Tâu đại vương, tương tự y như thế bị chông chất toàn bộ gánh nặng về sự trong sạch, hành động, và đức hạnh, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rung động, chuyển động.

Tâu đại vương, hoặc là giống như bầu trời bị bao phủ bởi sự chuyển động của gió và nước, bị chông chất bởi gánh nặng về lượng nước dồi dào, do trạng thái bị đưa đẩy bởi cơn gió mạnh nên gập rúm, gào thét, rống lên. Tâu đại vương, tương tự y như thế bị chông chất gánh nặng lớn lao và dồi dào về năng lực bố thí của đức vua Vessantara, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rung động, chuyển động.

8. Tâu đại vương, bởi vì tâm của đức vua Vessantara không vận hành do tác động của tham, không vận hành do tác động của sân, không vận hành do tác động của si, không vận hành do tác động của ngã mạn, không vận hành do tác động của tà kiến, không vận hành do tác động của phiền não, không vận hành do tác động của suy tầm, không vận hành do tác động của ganh ghét. Khi ấy, nó vận hành phần nhiều do tác động của sự bố thí: ‘Làm cách nào những người ăn xin chưa đi đến có thể đến gần ta, và những người ăn xin đã đi đến có thể nhận lãnh theo như ý muốn và có thể được hài lòng?’ Sự bố thí là chủ tể, là tâm ý đã được khẳng định một cách thường xuyên, liên tục.

9. Tâu đại vương, tâm ý của đức vua Vessantara đã được khẳng định một cách thường xuyên, liên tục trong mười trường hợp: ở sự huấn luyện, ở sự bình lặng, ở sự nhẫn nại, ở sự thu thúc, ở sự cưỡng chế, ở sự áp chế, ở sự không giận dữ, ở sự không hãm hại, ở sự chân thật, ở sự trong sạch.

Tâu đại vương, đối với đức vua Vessantara thì sự tầm cầu về dục đã được dứt bỏ, sự tầm cầu về hữu đã được yên lặng, chỉ riêng sự tầm cầu về Phạm hạnh là được đạt đến một cách sốt sắng.

Tâu đại vương, đối với đức vua Vessantara thì sự bảo vệ bản thân đã được dứt bỏ, sự bảo vệ người khác đã được đạt đến một cách sốt sắng: ‘Làm cách nào những chúng sanh này có thể hợp nhất, không tật bệnh, có tài sản, có tuổi thọ?’ Tâm ý như vậy vận hành một cách thường xuyên.

Dadamāno ca mahārāja vessantaro rājā taṃ dānaṃ na bhavasampatti-hetu deti, na dhanahetu deti, na paṭidānahetu deti, na upalāpanahetu deti, na āyuhetu deti, na vaṇṇahetu deti, na sukhahetu deti, na balahetu deti, na yasahetu deti, na puttahetu deti, na dhītuhetu deti. Atha kho sabbaññutaññassa hetu sabbaññutaññānaratanassa kāraṇā evarūpe atulavipulānuttare dānavare adāsi. Sabbaññutaṃ patto ca imaṃ gāthaṃ abhāsi:

*‘Jāliṃ kaṇhājinaṃ dhītaṃ maddideviṃ patibbatam,
cajamāno na cintesiṃ bodhiyā yeva kāraṇā ’ti.*

10. Rājā mahārāja vessantaro¹ akkodhena kodhaṃ jināti, asādhunā sādhunā jināti, kadariyaṃ dānena jināti, alikaṃ² saccena jināti, sabbaṃ akusalaṃ kusalena jināti. Tassa evaṃ dadamānassa dhammānugatassa dhammasāsakassa dānanissandabala³viriyavipulavihārena⁴ heṭṭhā mahāvātā sañcalanti. Sanikasanikaṃ sakiṃ sakiṃ ākulākulā vāyanti onamanti unnamanti vinamanti, sīnapattapādapā⁵ papatanti, gumbagumbā⁶ valāhakā gahane sandhāvanti, rajosaṃcitā vātā dāruṇā honti, gaganam uppīlitaṃ, vātā vāyanti, sahasā dhamadhamāyanti, mahābhīmo saddo niccharati, tesu vātesu kupitesu udakaṃ sanikasanikaṃ⁷ calati, udake calite khubbhanti macchakacchapā, jāyanti yamakayamakā ūmayo, tasanti jalacarā sattā,⁸ jalavīci yuganaddhā vattati, vīcinādo pavattati, ghorā bubbulā utṭhahanti, pheṇamālā bhavanti, uttarati mahāsamuddo, disāvidisaṃ dhāvati udakaṃ ussotapaṭisotamukhā⁹ sandanti saliladhārā. Asuragaruḷanāgayakkhā¹⁰ ubbijjanti ‘kinnu kho kathannukho sāgaro viparivattati ’ti gamanapatham-esanti bhītacittā khubhite lulite jaladhare pakampati mahāpaṭhavī samahā-nagā¹¹ sasāgarā parivattanti¹² sinerugirikūṭaselasikharo vinamamāno hoti, vīmanā honti ahinakulabīḷarakotthukasūkaramigapakkhino, rudanti yakkhā appesakkhā, hasanti yakkhā mahesakkhā kampamānāya mahāpaṭhaviyā.

11. Yathā mahārāja mahati mahāpariyoge uddhanagate udakasampunṇe ākiṇṇataṇḍule heṭṭhato aggi jalamāno paṭhamaṃ tāva pariyogaṃ santāpeti, pariyogo santatto udakaṃ santāpeti, udakaṃ santattaṃ taṇḍulaṃ santāpeti, taṇḍulaṃ santattaṃ ummujjati nimujjati, bubbulakajātaṃ hoti, pheṇamālā uttaranti. Evameva kho mahārāja vessantaro rājā yaṃ loke duccajaṃ taṃ caji. Tassa taṃ duccajaṃ cajantassa dānassa sabhāvanissandena heṭṭhā mahāvātā dhāretuṃ na visahantā parikuppiṃsu. Mahāvātesu parikupitesu udakaṃ kampi. Udake kampite mahāpaṭhavī kampi.

¹ vessantaro mahārāja rājā - Ma, PTS.

² alikavādinam - Ma, PTS.

³ dānanissandabalava - Ma.

⁴ vipphārena - Ma.

⁵ chinnapattapādapā - Ma; sīnapattā pādapā - PTS.

⁶ gumbaṃ gumbaṃ - Ma; gumbagumbaṃ - PTS.

⁷ sanikaṃ sanikaṃ - Ma, PTS.

⁸ yamakayamakā ūmayo jāyanti, jalacarā sattā tasanti - Ma.

⁹ uddhamṣotapaṭisotamukhā - Ma.

¹⁰ tasanti asuragaruḷanāgayakkhā - Ma, PTS.

¹¹ sanagā - Ma, PTS.

¹² parivattati - Ma, PTS.

Tâu đại vương, và trong khi bố thí vật thí ấy, đức vua Vessantara không bố thí vì nhân đạt đến tái sanh, không bố thí vì nhân tài sản, không bố thí vì nhân vật biểu lại, không bố thí vì nhân thu phục, không bố thí vì nhân tuổi thọ, không bố thí vì nhân sắc đẹp, không bố thí vì nhân hạnh phúc, không bố thí vì nhân sức mạnh, không bố thí vì nhân danh vọng, không bố thí vì nhân con trai, không bố thí vì nhân con gái. Khi ấy đức vua đã bố thí vật thí cao quý, không thể đo lường, bao la, vô thượng có hình thức như thế ấy vì nhân của trí Toàn Tri, vì lý do của vật báu là trí Toàn Tri. Và khi đã đạt được bản thể Toàn Tri, ngài đã nói lên lời kệ này:

‘Chỉ vì lý do là sự Giác Ngộ, ta đã không nghĩ suy trong khi buông bỏ Jāli, con gái Kaṇhājinā, và hoàng hậu Maddī chung thủy.’

10. Tâu đại vương, đức vua Vessantara chiến thắng giận dữ bằng không giận dữ, chiến thắng sự xấu xa bằng sự tốt đẹp, chiến thắng keo kiệt bằng bố thí, chiến thắng giả dối bằng chân thật, chiến thắng tất cả bất thiện bằng thiện. Trong khi vị ấy, là người đã tiến bước theo Giáo Pháp, hướng về Giáo Pháp, đang bố thí như vậy, do tính chất bao la của sự tinh tấn và năng lực của việc hoàn thành sự bố thí, có những cơn gió lớn xao động ở phía bên dưới. Chúng thổi qua hoàn toàn rối loạn, chầm chậm từng cơn từng cơn một, chúng sà xuống, bốc lên, xoáy tròn, các cây bị trụi lá đổ xuống, những đám mây dày đặc di chuyển ở bầu trời, những cơn gió chông chứa đầy bụi trở nên dữ dội, bầu trời bị hạ thấp, các cơn gió thổi cuốn đi ào ạt, âm thanh vô cùng ghê rợn phát ra, khi những cơn gió ấy giận dữ thì nước dao động tăng dần, khi nước bị dao động thì các con cá và rùa bị quấy nhiễu, các đợt sóng từng đôi từng đôi sanh lên, các chúng sanh loài thủy tộc run sợ, sóng nước gợn tròn từng cặp, tiếng rì rào của sóng phát khởi, bong bóng nước ghê rợn nổi lên, những mảng bọt nước hiện hữu. Đại dương nổi dậy. Nước chạy khắp tám phương, các dòng nước trôi chảy từ miệng của các dòng nước xuôi ngược. Các loài A-tu-la, kim-si-điểu, rồng, dạ-xoa bị hoảng hốt: ‘Phải chăng, bằng cách nào mà biển cả xoay ngược lại?’ rồi tìm kiếm lối ra đi với tâm hãi sợ. Khi bầu nước bị quấy nhiễu, bị khuấy rối, đại địa cầu cùng với núi non, luôn cả biển cả, rung động, chóp đá của đỉnh núi Sineru quay cuồng trong khi bị xoáy tròn. Các loài rắn, chồn, mèo, chó rừng, heo rừng, nai, chim chóc bị hết hồn, các dạ-xoa ít quyền lực khóc lóc, các dạ-xoa nhiều quyền lực cười đùa trong khi đại địa cầu rung động.

11. Tâu đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy ở bên dưới cái chảo lớn vĩ đại được chứa đầy nước, có gạo lổn nhổn, được đặt ở lò lửa, trước tiên đốt nóng cái chảo, khi cái chảo đã được đốt nóng, nó đun nóng nước; khi nước đã được đốt nóng, nó đun nóng gạo; gạo đã được đốt nóng nổi lên, chìm xuống, làm sanh ra bong bóng nước, rồi những mảng bọt nước trôi lên. Tâu đại vương, tương tự y như thế, đức vua Vessantara đã từ bỏ vật khó từ bỏ ở thế gian. Khi vị ấy đang từ bỏ vật khó từ bỏ ấy, do sự hoàn thành từ bản chất của việc bố thí, những cơn gió lớn ở phía bên dưới, trong khi không thể nâng đỡ, đã bị khuấy động. Khi những cơn gió lớn bị khuấy động, nước đã rung động. Khi nước bị rung động, đại địa cầu đã rung động.

Iti tadā mahāvātā ca udakañca paṭhavi cāti ime tayo ekamanā viya ahesuṃ. Mahādānanissandena vipulabalaviriyena natthedisso mahārāja aññassa dānānubhāvo yathā vessantarassa rañño mahādānānubhāvo.

12. Yathā mahārāja mahiyā bahuvidhā maṇayo vijjanti, seyyathīdaṃ: indaṇilo mahāṇilo jotiraso veḷuriyo ummāpuppho sirīsapuppho manoharo suriyakanto candakanto vajiro khajjopanako phussarāgo lohitaṅko¹ masāragallo 'ti, ete sabbe atikkamma cakkavattimaṇi aggamakkhāyati. Cakkavattimaṇi mahārāja samantā yojanaṃ obhāseti, evameva kho mahārāja yaṃ kiñci mahiyā dānaṃ vijjati api asadisadānaparamaṃ, taṃ sabbaṃ atikkamma vessantarassa rañño mahādānaṃ aggamakkhāyati. Vessantarassa mahārāja rañño mahādāne dīyamāne sattakkhattuṃ mahāpaṭhavi kampitā "ti.

“Acchariyaṃ bhante nāgasena buddhānaṃ! Abbhūtaṃ bhante nāgasena buddhānaṃ! Yaṃ tathāgato bodhisatto samāno asamo lokena evaṃkhanti evaṃcitto evaṃ adhimutti evaṃadhippāyo. Bodhisattānaṃ bhante nāgasena parakkamo dakkhāpito. Pāramī ca jinānaṃ bhiyyo obhāsītā cariyaṃ carato 'pi tāva tathāgatassa sadevake loke seṭṭhabhāvo anudassito. Sādhu bhante nāgasena thomitaṃ jinasānaṃ, jotitā jinapāramī, chinnā titthiyānaṃ vādagaṇṭhi, bhinnā parappavādakumbhā, pañho gambhīro uttānīkato, gahanaṃ agahanaṃ kataṃ, sammā laddhaṃ jinaputtānaṃ nibbāhanaṃ. Evametaṃ gaṇivarapavara, tathā sampaṭicchāmā "ti.

Mahābhūmicālapātubhāvapañho catuttho.

¹ lohitaṅgo - Ma.

Như thế vào khi ấy ‘những cơn gió lớn, nước, và quả địa cầu,’ ba thứ này đã trở thành như là có chung một tâm ý. Do việc hoàn thành của sự bố thí vĩ đại, do năng lực và sự tinh tấn bao la, không có người nào khác có oai lực bố thí như thế này như là oai lực bố thí vĩ đại của đức vua Vessantara.

12. Tâu đại vương, giống như các viên ngọc ma-ni nhiều loại được tìm thấy ở trái đất, như là: ngọc xa-phia, ngọc lục, ngọc như ý, ngọc bích, ngọc hoa lan, ngọc hoa keo, ngọc thu hồn, ngọc nhật lệ, ngọc nguyệt lệ, kim cương, ngọc lân tinh, hoàng ngọc, hồng ngọc, ngọc mắt mèo,’ thì viên ngọc ma-ni của đức Chuyển Luân vượt trội tất cả các viên ngọc này nên được gọi là nhất hạng. Tâu đại vương, viên ngọc ma-ni của đức Chuyển Luân chiếu sáng một do-tuần ở chung quanh, tâu đại vương, tương tự y như thế bất cứ sự bố thí nào được tìm thấy ở trái đất, đâu là sự bố thí tối thượng không thể sánh bằng, sự bố thí vĩ đại của đức vua Vessantara vượt trội tất cả các sự bố thí ấy nên được gọi là nhất hạng. Tâu đại vương, khi sự bố thí vĩ đại của đức vua Vessantara đang được trao ra thì đại địa cầu đã bị rung động bảy lần.

“Thưa ngài Nāgasena, là sự kỳ diệu của chư Phật! Thưa ngài Nāgasena, là sự phi thường của chư Phật! Là việc đức Thế Tôn, trong khi còn là Bồ Tát, với sự nhẫn nại như vậy, với tâm như vậy, với quyết định như vậy, với chủ tâm như vậy, so với thế gian không người sánh bằng. Thưa ngài Nāgasena, sự nỗ lực của các đức Bồ Tát đã được phô bày. Và các pháp toàn hảo của các đấng Chiến Thắng được chiếu sáng còn nhiều hơn thậm chí trong khi các ngài đang thực hành đức hạnh, cho đến bản thể tối thượng của đức Như Lai là được hiển hiện ở thế gian luôn cả chư Thiên. Thưa ngài Nāgasena, thật tốt đẹp thay Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng đã được tán dương, các pháp toàn hảo của đấng Chiến Thắng đã được tỏa sáng, nút thắt ở học thuyết của các giáo chủ tà giáo đã được cắt đứt, bầu nước ở điều tuyên thuyết của ngoại đạo đã được đập bể, câu hỏi thâm sâu đã được làm rõ, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, sự giải thích của các vị con trai của đấng Chiến Thắng đã được tiếp thu đúng đắn. Hỡi vị ưu tú cao quý của đám đông, xin ngài hãy chấp nhận điều ấy là như thế.”

Câu hỏi về hiện tượng dao động dữ dội của trái đất là thứ tư.
